TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100** /2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 tháng 8 năm 2017.
"V/v: Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.
Các Hội thẩm nhân dân**:**
Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Nguyễn Văn Doanh
Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.
Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2017, giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1992
Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.
Bị đơn: Anh Bùi Mạnh T - Sinh năm 1992
Nơi ĐKNHTT: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 13 - K1 - Trại giam Ninh Khánh
(Địa chỉ: xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).
Tại phiên tòa: Có mặt chị T. Vắng mặt anh T có đề nghị xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Mạnh T kết hôn vào ngày 26/11/2013 có được đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 7/2016 anh T vi phạm pháp luật bị kết án 09 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 13 - K1 - Trại gian Ninh Khánh (huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Bùi Mạnh T trình bày:

Anh xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T trình bày ở trên. Do anh bị vi phạm pháp luật nên đã bị phạt án tù 09 năm và đang phải chấp hành án, anh biết được chị T có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án thông báo cho chị T biết suy nghĩ lại và cho anh một cơ hội để sửa sai. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày bổ sung gì thêm.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến :

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS. Việc anh T vắng mặt tại các phiên hòa giải do điều kiện đang chấp hành phạt và có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy chị T và anh T xa cách đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh T đang chấp hành hình phạt, chị T có yêu cầu ly hôn anh T không nhất trí, nhưng xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T đã thực sự tan vỡ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Bùi Mạnh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, khoản nợ, công sức lao động chị T, anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị T, anh T không có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Phạm Thị T và anh Bùi Mạnh T kết hôn với nhau ngày 26 tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 09 năm tù. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T cho anh T. Do điều kiện anh T đang chấp hành hình phạt nên không tiến hành hòa giải được, anh T có đề nghị xin vắng mặt.

Theo yêu cầu của chị T, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại bản tự khai, anh T trình bày do vi phạm pháp luật nên đã bị phạt án tù 09 năm và đang phải chấp hành hình phạt, anh biết được chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án thông báo cho chị T biết để suy nghĩ lại và cho anh một cơ hội để sửa sai. Vì vậy

anh không đồng ý ly hôn với chị T. TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung nêu trên cho chị T nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T HĐXX thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại và đoàn tụ được, thực tế chị T và anh T đã sống xa nhau từ lâu, anh T đang phải chấp hành án 09 năm tù vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là đúng với quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Vợ chồng đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị T, anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Bùi Mạnh T.

2. Án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000954 ngày 13/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Mạnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- BGT Trại giam Ninh Khánh
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thái Hà